

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/HS-ST
Ngày: 11-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Ngọc
Ông Nguyễn Văn Chiến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký TAND khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Đại diện VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
bà Nguyễn Hồng H – Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2025/TLST - HS ngày 21/8/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HS ngày 27/8/2025, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Hà Văn C**, sinh năm 1990; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ); Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn T và bà Phí Thị L; vợ Phạm Thị L1 và 02 con; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Bản án số 221/2015/HSST ngày 25/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt Hà Văn C 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/7/2015; chấp hành xong án phí ngày 22/02/2017).

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 56/QĐ-XPVPHC ngày 23/3/2018 của Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) xử phạt Hà Văn C về hành vi “Trộm cắp tài sản” bằng hình thức Phạt tiền (chấp hành xong ngày 26/3/2018).

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 144/QĐ-XPHC ngày 18/11/2022 của Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) xử phạt Hà Văn C về hành vi “Trộm cắp tài sản” với hình thức phạt tiền (chấp hành xong ngày

18/11/2022).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2025 đến nay. Hiện đang tạm giam tại phân trại tạm giam V, Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh B. (có mặt tại phiên toà).

2. Họ và tên: **Phan Văn B**, sinh năm 1985; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ); Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị M; vợ Trần Thị Thu T1 (đã ly hôn), con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Bản án số 08/2009/HS-ST ngày 17/3/2009 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc và Bản án số 40/2009/HSPT ngày 24/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) xử phạt Phan Văn B 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2010, chấp hành xong án phí ngày 23/9/2009).

- Bản án số 106/2011/HSST ngày 30/8/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) xử phạt Phan Văn B 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 07/2011/HSST ngày 30/12/2011 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) xử phạt Phan Văn B 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 106 ngày 30/8/2011, buộc B phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 03 năm tù (chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2014, chấp hành xong án phí ngày 22/12/2011, 22/4/2012).

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 121/QĐ-XPVPHC ngày 28/7/2017 của Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) xử phạt Phan Văn B về hành vi “Trộm cắp tài sản” với hình thức phạt tiền (chấp hành xong ngày 07/8/2017).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2025 đến nay. Hiện đang tạm giam tại phân trại tạm giam V, Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh B. (có mặt tại phiên toà).

3. Họ và tên: **Ngô Văn T2**, sinh năm 1990; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã X, tỉnh Bắc Ninh); Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngô Văn T3 và bà Ngô Thị T4; vợ Hoàng Thị H1 và 02 con (tại phiên toà bị cáo khai có 03 con); Tiền án, tiền sự, nhân thân: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2025 đến nay. Hiện đang tạm giam tại phân trại tạm giam V, Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh B. (có mặt tại phiên toà).

- **Bị hại:**

1. Ông Nguyễn Văn T5 – sinh năm 1948 (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Minh T6 – sinh năm 1970 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh

3. Bà Nguyễn Thị T7 – sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Trung Hoà, xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh

4. Chị Đỗ Thị H2 – sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Trung Thành, xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh

5. Ông Ngô Văn M1 – sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ngô Xá, xã Xuân Cẩm, tỉnh Bắc Ninh

6. Chị Nguyễn Thị T8 – sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã X, tỉnh Bắc Ninh

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn C1 - sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Xuân Tân 2, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh

2. Chị Hoàng Thị H1 – sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Ngô Xá, xã Xuân Cẩm, tỉnh Bắc Ninh

3. Chị Phạm Thị L1 – sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Công Sau, xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ

4. Anh Phan Văn M2 – sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Quan Đình, xã Tam Dương Bắc, tỉnh Phú Thọ

5. Bà Ngô Thị T4 – sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: thôn N, xã X, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Văn C, sinh năm 1990 trú tại thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ) và Phan Văn B, sinh năm 1985 trú tại Tổ dân phố S, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn S, xã T, tỉnh Phú Thọ) là các đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, lười lao động. Để có tiền tiêu xài cá nhân, C và B rủ nhau sang địa phận huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) trộm cắp gà bán lấy tiền chi tiêu. Do có quen biết với Ngô Văn T2, sinh năm 1990 trú tại thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã X, tỉnh Bắc Ninh) từ trước nên ngày 27/5/2025 C rủ B đến gặp T2. Quá trình gặp T2, C đặt vấn đề và thỏa thuận: C và B sẽ trộm cắp gà, ngỗng rồi đem đến bán cho T2, T2 đồng ý mua với giá 58.000 đồng/1kg, nếu C và B trộm cắp được số lượng ít thì sẽ đem trực tiếp đến nhà T2, nếu số lượng nhiều thì sẽ tập kết ở một vị trí rồi gửi định vị qua tài khoản zalo cho T2 để T2 đến chở về. C là người chuẩn bị bao tải dứa, kim cộng lực và cà lê, rồi điều khiển xe mô tô chở B tìm nhà dân để trộm cắp gà, B trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp còn C sẽ đứng ngoài cảnh giới. Bằng thủ đoạn trên, từ ngày 28/5/2025 đến ngày 04/6/2025, các đối tượng đã nhiều lần thực hiện trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện H, cụ thể như sau:

* Ngày 28/5/2025:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 00 giờ ngày 28/5/2025, C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen-xám, biển kiểm soát 88AB-905.84 chở B đi từ tỉnh

Vĩnh Phúc sang địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) rồi đến khu vực thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh) thì phát hiện khu vườn nhà ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1948 có nuôi gà. C dừng xe mô tô lại, đứng ở ngoài cánh giới còn Bạo trèo tường vào khu vực nuôi gà nhà ông T5; dùng kim cộng lực phá khóa chuồng gà, trộm cắp được 29 con gà (trong đó có 13 con gà trống, 16 con gà mái) và đút vào trong bao tải mang theo từ trước rồi trèo tường mang ra ngoài. Sau đó, C điều khiển xe mô tô chở Bạo ngồi sau giữ bao tải gà vừa trộm cắp được mang đến cất giấu tại khu vực bãi đất trống của gia đình ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1971 trú tại thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh).

- Vụ thứ hai: Sau khi chở số gà trộm cắp được ở nhà ông T5 đi cất giấu, C tiếp tục điều khiển xe mô tô chở B quanh khu vực xã H thì phát hiện khu chăn nuôi của gia đình bà Nguyễn Thị Minh T6, sinh năm 1970 trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) có nuôi gà, ngỗng. Thấy vậy, C dừng xe lại, đứng ở ngoài cánh giới, B đi đến gần khu chăn nuôi, dùng kim cắt hàng rào sắt, đột nhập vào bên trong trộm cắp được 33 con gà (trong đó có 30 con gà mái, 03 con gà trống) và 02 con ngỗng rồi đút vào bao tải mang theo từ trước. Sau khi trộm cắp xong, C tiếp tục điều khiển xe chở B cùng số gà, ngỗng trộm cắp được đến cất giấu tại khu đất trống của gia đình ông H3.

- Vụ thứ ba: Sau khi cất giấu xong số gà, ngỗng vừa trộm cắp được; C tiếp tục điều khiển xe mô tô chở B tìm nhà dân để trộm cắp thì phát hiện nhà bà Nguyễn Thị T7, sinh năm 1976 trú tại thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh) có quây chuồng gà bằng khung sắt đặt trước cửa nhà để kinh doanh mua bán gà, bên trong chuồng có các lồng chứa gà bên trong. Thấy vậy, C dừng xe lại, đứng ở ngoài cánh giới còn B đi vào khu vực chuồng gà, mở lồng gà trộm cắp được 34 con gà (trong đó có 25 con gà mái, 09 con gà trống) và đút vào bao tải rồi đem ra ngoài cùng C mang đến cất giấu tại khu đất trống của gia đình ông H3.

- Vụ thứ tư: Sau khi cất giấu xong số gà vừa trộm cắp được; C tiếp tục điều khiển xe mô tô chở B đi từ khu vực xã M sang khu vực xã S thì phát hiện khu vực chăn nuôi của gia đình chị Đỗ Thị H2, sinh năm 1986 ở thôn H, xã S, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn H, xã H, tỉnh Bắc Ninh) có chăn nuôi gà. Thấy vậy, C dừng xe lại, đứng ở ngoài cánh giới, còn B đi vào bên trong, dùng kim cộng lực cắt khóa cửa chuồng gà, trộm cắp được 11 con gà (trong đó có 02 con gà mái, 09 con gà trống) đút vào bao tải rồi đem ra ngoài cùng C mang đến tập kết tại khu đất trống của gia đình ông H3.

Tại đây, C gọi điện thoại cho T2 bảo T2 đến chở gà đồng thời gửi vị trí cho T2 qua tài khoản Zalo. Sau đó, T2 một mình điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Dongben, màu xanh, biển kiểm soát 98C-196.33 đi từ nhà đến khu vực đất trống của gia đình ông H3. Sau khi T2 đến, C và B chuyển các bao tải đựng số gà, ngỗng vừa trộm cắp được lên xe ô tô tải của T2 rồi C ngồi lên xe ô tô cùng T2 đi về nhà còn B điều

khiến xe mô tô đi phía sau. Tại nhà T2, các đối tượng cân số gà, ngỗng vừa trộm cắp được thì được tổng số 174kg. Theo thỏa thuận từ trước, T2 mua số gà, ngỗng mà C và B trộm cắp được với giá 58.000 đồng/1kg, tổng số tiền là 10.100.000 đồng. Sau đó, T2 sử dụng tài khoản ngân hàng V với số tài khoản 105873382071 chuyển số tiền 10.100.000 đồng đến tài khoản ngân hàng MB của C với số tài khoản 19051990888999. Sau khi nhận được tiền, C điều khiển xe mô tô chở B đi về. C chia cho B số tiền 7.000.000 đồng. Số tiền trên C và B đã chi tiêu cá nhân hết.

Về phía T2, sau khi mua gà, ngỗng mà C, B trộm cắp được, T2 chở 45 con gà bao gồm cả gà trống và gà mái xuống khu vực chợ thuộc huyện T, tỉnh Bắc Ninh bán cho những người đi đường không rõ tên, tuổi địa chỉ với giá từ 63.000 đồng đến 65.000 đồng/1kg. Số tiền có được từ việc bán gà, T2 đã chi tiêu cá nhân hết.

* Ngày 04/6/2025:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 04/6/2025, C tiếp tục điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen-xám, biển kiểm soát 88AB-905.84 chở B đi từ tỉnh Vĩnh Phúc sang địa bàn xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã X, tỉnh Bắc Ninh) thì phát hiện khu vực vườn của gia đình ông Ngọ Văn M1, sinh năm 1964 trú tại thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn N, xã X, tỉnh Bắc Ninh) có nuôi gà. Thấy vậy, C dừng xe lại, đứng ở ngoài cánh giới còn B trèo tường vào bên trong vườn trộm cắp được 13 con gà (trong đó có 01 con gà trống, 12 con gà mái) và đút vào bao tải mang theo từ trước rồi đem ra ngoài cùng C mang đến cất giấu tại khu đất trống ở gần đó (đến nay C và B không nhớ được vị trí đã cất giấu gà).

- Vụ thứ hai: Sau khi cất giấu gà xong, C tiếp tục điều khiển xe mô tô chở B lòng vòng quanh khu vực xã C thì phát hiện khu vực vườn của gia đình chị Nguyễn Thị T8, sinh năm 1989 trú tại thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn N, xã X, tỉnh Bắc Ninh) có nuôi gà. Thấy vậy, C dừng xe, đứng ở ngoài cánh giới còn B trèo tường vào bên trong vườn trộm cắp được 09 con gà mái và đút vào bao tải mang đi từ trước rồi đem ra ngoài cùng C mang đến cất giấu tại khu đất trống mà C và B đã cất giấu gà trộm cắp được của gia đình ông M1 trước đó. Sau đó, C gọi điện thoại cho T2 bảo T2 đến chở gà đồng thời gửi vị trí cho T2 qua tài khoản zalo, T2 đồng ý. Sau đó, T2 một mình điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Dongben, màu xanh, biển kiểm soát 98C-196.33 đi đến vị trí C gửi. Sau khi T2 đến, C và B chuyển các bao tải đựng số gà, ngỗng vừa trộm cắp được lên xe ô tô tải của T2 rồi C ngồi lên xe của T2 cùng T2 đi về nhà còn B điều khiển xe mô tô đi phía sau. Tại nhà T2, các đối tượng cân số gà vừa trộm cắp được thì được tổng số 160kg. Theo thỏa thuận từ trước, T2 mua số gà, ngỗng mà C và B trộm cắp được với giá 58.000 đồng/1kg, tổng số tiền là 9.300.000 đồng. Sau đó, T2 sử dụng tài khoản ngân hàng V với số tài khoản 105873382071 chuyển số tiền 9.300.000 đồng đến tài khoản ngân hàng MB của C với số tài khoản 19051990888999. Sau khi nhận được tiền, C điều khiển xe mô tô chở B đi về. C chia cho B số tiền 4.650.000 đồng. Số tiền bán gà trộm cắp được mà có các đối tượng đã chi tiêu cá nhân hết.

Toàn bộ số gà mua của C và Bào ngày 04/6/2025, T2 vẫn nhốt trong chuồng tại nhà T2 và chưa bán cho ai.

Ngày 28/5/2025, ông Nguyễn Văn T5, bà Nguyễn Thị Minh T6 làm đơn trình báo gửi Công an xã H; bà Nguyễn Thị T7 làm đơn trình báo gửi Công an xã M; bà Đỗ Thị H2 làm đơn trình báo gửi Công an xã H (nay là Công an xã H) về việc bị mất trộm gà, ngỗng ngày 28/5/2025; ông Ngô Văn M1, chị Nguyễn Thị T8 làm đơn trình báo gửi Công an xã C (nay là Công an xã X) về việc bị mất trộm gà ngày 04/6/2025. Công an các xã đã xác minh ban đầu và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh) để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 06/6/2025, T2 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh) đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên đồng thời tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A33. Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Hà Văn C và Phan Văn B, B tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen-xám, biển kiểm soát 88AB-905.84; 13 bao tải dứa; 01 kìm cộng lực và 01 cà lê; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen. C giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu trắng.

Ngày 06/6/2025, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Ngô Văn T2, kết quả: thu giữ tại chuồng gà nhà T2 100 con gà (trong đó có 16 con gà trống và 84 con gà mái); 02 con ngỗng cái; 01 cân đồng hồ loại 150kg; 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Dongben, màu xanh, biển kiểm soát 98C-196.33 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận kiểm định. Cơ quan điều tra tiến hành xác định trọng lượng với tổng số 41,5kg gà trống, 199kg gà mái và 05kg ngỗng.

Ngày 07/6/2025, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Hà Văn C và Phan Văn B, kết quả: không thu giữ tài liệu, đồ vật gì.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra điện thoại di động thu giữ được của T2, C, B. Kết quả, thể hiện: có việc chuyển tiền giữa T2 và C, giữa C và B liên quan đến tiền trộm cắp gà. Cơ quan điều tra đã in ra tờ giấy A4 và lưu vào hồ sơ vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐDGTS ngày 17/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: 174kg gà tại thời điểm ngày 28/5/2025 trị giá 13.920.000 đồng; 160kg gà tại thời điểm ngày 04/6/2025 trị giá 12.800.000 đồng; 05kg ngỗng cái tại thời điểm ngày 28/5/2025 trị giá 500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, C, B, T2 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên. Các bị cáo còn khai nhận đã cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện H, cụ thể: ngày 30/5/2025, C và B đã trộm cắp được khoảng 50kg gà và bán cho T2 được 3.200.000 đồng; ngày 31/5/2025, C một mình trộm cắp được khoảng 120kg gà và bán cho T2 được 7.000.000 đồng; ngày 02/6/2025, C và B trộm cắp được khoảng 70kg gà và bán cho T2 được 4.000.000 đồng; ngày 03/6/2025, C và B trộm cắp được khoảng 100kg gà và bán cho T2 được

6.100.000 đồng. Số gà mua của C và B nêu trên, T2 đã bán cho người không rõ tên, tuổi, địa chỉ. Quá trình điều tra, C và B đều khai không nhớ địa điểm trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm bị hại và tiến hành xác minh tại địa bàn các xã thuộc huyện H nhưng không có kết quả. Ngày 21/8/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh ban hành văn bản yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiếp tục điều tra, xác minh hành vi trộm cắp tài sản các ngày 30/5/2025, 31/5/2025, 02/6/2025 và 03/6/2025 của C, B, T2 để xem xét xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKS-HH ngày 21/8/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh đã truy tố các bị cáo ra trước Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là không oan, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà trình bày:

Anh Phan Văn M2 trình bày: anh là anh trai của bị cáo B, quá trình thăm gặp khi bị cáo B bị tạm giam, B có nhờ anh bồi thường cho bị hại. Anh đã bồi thường cho bà T7 số tiền 5.000.000 đồng, số tiền này là tiền của anh, anh tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo và anh không yêu cầu bị cáo phải trả lại anh số tiền này.

Chị Phạm Thị L1 trình bày: chị là vợ của bị cáo C, quá trình thăm gặp khi bị cáo bị tạm giam, bị cáo có nhờ chị bồi thường cho bị hại. Chị đã bồi thường cho bà T7 số tiền 5.000.000 đồng, số tiền này là tiền của chị, chị tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo C, chị không yêu cầu bị cáo C phải trả cho chị số tiền này.

Chị Hoàng Thị H1 trình bày: chị là vợ của bị cáo T2, không quen biết bị cáo C và B. Chị không biết việc bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, không biết việc bị cáo dùng tiền trong tài khoản của chị để chuyển cho bị cáo C mua tài sản trộm cắp, chiếc xe tải là tài sản riêng của T2, không phải là tài sản chung vợ chồng, chị không có ý kiến gì đối với tài sản này.

Bà Ngô Thị T4 trình bày: bà là mẹ đẻ của bị cáo T2, bị cáo T2 có nhờ vợ là chị H1 bồi thường cho bị hại, tuy nhiên do chị H1 mới sinh con nên có nhờ bà bồi thường hộ bị cáo T2. Bà đã bồi thường cho chị H2 số tiền 2.000.000 đồng, số tiền này là tiền của bà, bà tự nguyện bồi thường thay bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà số tiền này.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ. Các bị cáo không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Hà Văn C từ 22 tháng tù đến 25 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/6/2025.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Văn B từ 22 tháng tù đến 25 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/6/2025.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Văn T2 từ 17 đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 34 tháng đến 40 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã X giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (một) chiếc xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGBEN, màu sơn xanh, số khung: CAB7J2107374, số máy: AE6J05812008, biển kiểm soát 98C-196.33 của T2; 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Wave, màu sơn đen-xám, số khung: RLHJA3930RY864092, số máy: JA70E0742713, gắn biển kiểm soát 88AB-905.84 của Bạo; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, 64GB, vỏ màu đen, số IMEI1: 357434242119113, IMEI2: 357434242607448; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, 64GB, vỏ màu trắng, số IMEI1: 357267095399196, IMEI2: 357267095303370; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A33 5G, vỏ màu hồng, số IMEI: 353475124181659, IMEI2: 355814214181658 (đã qua sử dụng); 01 (một) cân đồng hồ nhãn hiệu Nhon Hòa, loại 150kg.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) kim cộng lực màu xám trắng dài 45cm, có chuôi cầm màu xanh; 01 (một) cò lê màu xám đen, dài 30cm; 13 (mười ba) bao tải dừa màu vàng nâu, mỗi bao kích thước (105x65)cm.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH buộc bị cáo C, B, T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: bị cáo C không có ý kiến gì. Bị cáo B và bị cáo T2 đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 28/5/2025 và ngày 04/6/2025 trên địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay thuộc xã X và xã H, tỉnh Bắc Ninh); Hà Văn C, Phan Văn B đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp 129 con gà và 02 con ngỗng của gia đình ông Nguyễn Văn T5, ông Ngô Văn M1, bà Nguyễn Thị Minh T6, chị Nguyễn Thị T8, Nguyễn Thị T7 và chị Đỗ Thị H2.

Ngô Văn T2 không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nhưng đã hứa hẹn và tiêu thụ tài sản mà biết rõ là do C và B trộm cắp mà có nên T2 đồng phạm với C và B về hành vi trộm cắp tài sản. Tổng giá trị tài sản mà các đối tượng đã trộm cắp là 26.820.000 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).

[4] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 21/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh truy tố các bị cáo về tội danh và Điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Xét về nhân thân, tiền án, tiền sự, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về nhân thân: các bị cáo C, B có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử và bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo T2 có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Hà Văn C, Phan Văn B, Ngô Văn T2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo C, B được bị hại là bà Nguyễn Thị T7 xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo T2 được bị hại là chị Đỗ Thị H2 xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và bị cáo T2 sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm có tính giản đơn, Các bị cáo Hà Văn C, Phan Văn B cùng nhau bàn bạc về việc trộm cắp tài sản và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên có vai trò ngang nhau và thứ nhất. Tiếp đến là vai trò của bị cáo Ngô Văn T2, tuy bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nhưng đã hứa hẹn và tiêu thụ tài sản mà biết rõ là do trộm cắp mà có.

[8] Căn cứ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo C, B có nhân thân xấu, phạm tội nhiều lần, cả hai bị cáo đều đã bị Tòa án đưa ra xét xử và áp dụng hình phạt nghiêm khắc nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự, áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Đối với bị cáo T2, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo có ấn định thời gian thử thách cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: các **bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.**

[9] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn T5, ông Ngô Văn M1, bà Nguyễn Thị Minh T6, chị Nguyễn Thị T8 đã nhận lại số gà, ngỗng bị trộm cắp nên không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự. Bà Nguyễn Thị T7 đã được bị cáo C và B bồi thường số tiền 10.000.000 đồng; chị Đỗ Thị H2 đã được bị cáo T2 bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Đến nay, không ai yêu cầu bồi thường gì khác. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Ngày 13/6/2025, Cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình ông Ngô Văn M1 13 con gà (trong đó 12 con gà mái, 01 con gà trống); trả lại cho gia đình chị Nguyễn Thị T8 09 con gà mái; trả lại cho gia đình bà Nguyễn Thị Minh T6 02 con ngỗng, 33 con gà (trong đó 30 con gà mái, 03 con gà trống); trả lại cho gia đình ông Nguyễn Văn T5 28 con gà (trong đó 16 con gà mái, 12 con gà

trống). Ngoài ra, có 17 con gà mái đã bị tiêu hủy do thời tiết, dịch bệnh. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu Dongben, biển kiểm soát 98C-196.33 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Ngô Văn T2; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 88AB-905.84 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Phan Văn B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 là của Bạo; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max là của C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A33 là của T2 và 01 cân đồng hồ là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; Đối với 01 kim cộng lực; 01 cờ lê; 13 bao tải dứa là công cụ phạm tội không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với những người mua gà của T2, do T2 không biết tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để xác minh, xử lý. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Bị cáo Hà Văn C, Phan Văn B hiện đang tạm giam, cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án theo quy định tại Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo Ngô Văn T2 bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, cần trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác theo quy định tại khoản 4 Điều 328 BLTTHS.

[13] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn C 02 năm (*hai năm*) tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 07/6/2025.

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn B 02 năm (*hai năm*) tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 07/6/2025.

1.3 Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Văn T2 01 năm (*một năm*) 08 tháng (*tám tháng*) tù, cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách 03 năm (*ba năm*) 04 tháng (*bốn tháng*) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 4 Điều 328 BLTTHS: Trả tự do cho bị cáo Ngô Văn T2 tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (một) chiếc xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGBEN, màu sơn xanh, số khung: CAB7J2107374, số máy: AE6J05812008, biển kiểm soát 98C-196.33 (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Wave, màu sơn đen-xám, số khung: RLHJA3930RY864092, số máy: JA70E0742713, gắn biển kiểm soát 88AB-905.84 (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, 64GB, vỏ màu đen, số IMEI1: 357434242119113, IMEI2: 357434242607448 (đã qua sử dụng); được niêm phong; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, 64GB, vỏ màu trắng, số IMEI1: 357267095399196, IMEI2: 357267095303370 (đã qua sử dụng); được niêm phong; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A33 5G, vỏ màu hồng, số IMEI: 353475124181659, IMEI2: 355814214181658 (đã qua sử dụng); được niêm phong; 01 (một) cân đồng hồ nhãn hiệu Nhon Hòa, loại 150kg.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) kìm cộng lực màu xám trắng dài 45cm, có chuôi cầm màu xanh; 01 (một) cờ lê màu xám đen, dài 30cm; 13 (mười ba) bao tải dứa màu vàng nâu, mỗi bao kích thước (105x65) cm.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 BLTTHS 2015

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Ninh;
- Thị hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

Đỗ Thị Tuyết